



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

A member of  International

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

Số: 1459/2016/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính riêng không còn có những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm những đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính riêng là do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp với từng tình huống cụ thể, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán do Ban Tổng Giám đốc đưa ra, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

5. C.T.1
TY.
M. HUY HAN
KIỂM TOÁN
AASC
KIỂM

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế báo cáo kiểm toán độc lập số 979/2016/BC.KTTC-AASC.KT1 ngày 22/03/2016 do bổ sung việc trích Quỹ phát triển khoa học, công nghệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên

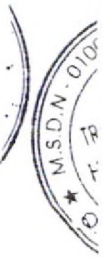
Phạm Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100 A. Tài sản ngắn hạn		3.856.945.596.036	3.267.331.426.848
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.491.243.203.237	2.794.935.073.353
111 1. Tiền		296.501.080.814	371.766.082.210
112 2. Các khoản tương đương tiền		3.194.742.122.423	2.423.168.991.143
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		364.615.238.837	471.857.469.484
132 2. Trả trước cho người bán		1.819.261.900	1.439.577.204
134 4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ của Quý	4	39.031.903.697	33.744.555.212
138 6. Các khoản phải thu khác	5	323.764.073.240	436.673.337.068
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.087.153.962	538.884.011
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		98.982.750	263.112.799
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	6	988.171.212	275.771.212
200 B. Tài sản dài hạn		8.679.819.912.581	7.764.957.708.903
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		3.410.060.012.173	3.465.696.695.413
215 5. Phải thu cho vay đầu tư bằng vốn hoạt động	7	3.500.857.380.123	3.546.203.604.339
218 8. Dự phòng rủi ro cho vay	8	(90.797.367.950)	(80.506.908.926)
220 II. Tài sản cố định		101.494.961.247	106.078.262.332
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	39.446.980.202	44.878.015.688
222 - Nguyên giá		70.251.994.406	68.995.487.158
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(30.805.014.204)	(24.117.471.470)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	60.908.462.045	61.181.201.189
228 - Nguyên giá		62.074.828.600	62.074.828.600
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.166.366.555)	(893.627.411)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.139.519.000	19.045.455
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	5.161.925.762.558	4.186.949.173.455
251 1. Đầu tư vào công ty con		3.164.303.500.000	2.107.108.500.000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		1.290.354.924.658	1.248.885.424.658
258 3. Đầu tư dài hạn khác		852.245.007.286	956.622.477.286
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(144.977.669.386)	(125.667.228.489)
260 V. Tài sản dài hạn khác		6.339.176.603	6.233.577.703
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	97.607.400	41.725.200
263 3. Đầu tư xây dựng dự án công trình	13	6.241.569.203	6.191.852.503
270 Tổng cộng tài sản		12.536.765.508.617	11.032.289.135.751



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	A. Nợ phải trả		4.439.735.652.976	4.706.147.598.080
310	I. Nợ ngắn hạn		405.705.604.321	644.323.122.398
312	1. Phải trả người bán		222.634.624	110.029.546
313	2. Người mua trả tiền trước		-	1.148.828.450
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	159.495.211.255	515.320.448.616
315	4. Phải trả người lao động		29.445.442.272	20.147.422.795
316	5. Chi phí phải trả		100.710.732	111.692.992
318	7. Phải trả lãi vốn huy động	15	24.964.750.759	26.084.797.123
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	191.476.854.679	81.399.902.876
330	II. Nợ dài hạn		4.034.030.048.655	4.061.824.475.682
333	3. Phải trả dài hạn khác	17	13.652.948.439	1.244.201.057
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	3.404.538.797.330	3.549.127.884.435
341	9. Vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	19	572.645.601.270	483.442.600.822
342	- Vốn ủy thác cho vay đầu tư phải trả		3.118.914.768.408	2.831.552.942.965
343	- Phải thu về cho vay từ vốn nhận ủy thác		(2.546.269.167.138)	(2.348.110.342.143)
344	10. Hợp vốn đầu tư cho vay		-	-
345	- Số tiền nhận hợp vốn đầu tư cho vay phải trả		-	45.811.643.761
346	- Số tiền phải thu về cho vay từ tiền nhận hợp vốn		-	(45.811.643.761)
350	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.104.967.279	10.496.628.368
351	13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ		25.087.734.337	17.513.161.000
400	B. Vốn chủ sở hữu		8.097.029.855.641	6.326.141.537.671
411	1. Vốn Ngân sách Nhà nước cấp		7.298.270.041.897	5.983.605.541.897
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		729.519.849.893	342.535.995.774
422	10. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		69.239.963.851	-
440	Tổng cộng nguồn vốn		12.536.765.508.617	11.032.289.135.751

11105
ĐĂNG T
NHIỆM
VIG KIẾ
AA
DÀN K

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
7. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		1.813.463,93	1.808.726,77
- Euro		194,33	79,24
- Đô la Úc		69,98	69,98
8. Tài sản nhận thế chấp		6.044.120.489.929	6.723.868.732.905
9. Lãi chưa thu cho vay vốn nhận ủy thác		392.910.826.575	280.863.903.534
10. Lãi chưa thu cho vay khác		32.231.977.682	59.050.268.832

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Hoàng Tiên Đạt

Kế toán trưởng

Lê Văn Bắc

Phòng Giám đốc



Phạm Phú Quốc

C.T.T.H
DỰ HẠN
TOÁN
3C
M. TP. H.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu		830.867.485.898	983.840.605.557
01.2	- Doanh thu lãi tiền cho vay		194.752.704.735	268.871.457.001
01.3	- Thu từ hoạt động đầu tư góp vốn		311.930.441.610	477.149.935.589
01.4	- Doanh thu lãi tiền gửi		159.226.925.723	120.416.916.085
01.5	- Thu phí hoạt động nhận ủy thác		12.502.731.521	13.537.095.071
01.6	- Thu phí ủy quyền phát hành trái phiếu địa phương		600.000.000	600.000.000
01.7	- Doanh thu cho thuê tài sản		2.172.013.000	6.240.795.727
01.8	- Doanh thu khác (*)		149.682.669.309	97.024.406.084
10	3. Doanh thu thuần		830.867.485.898	983.840.605.557
11	4. Chi phí hoạt động		183.795.866.612	155.744.225.588
11.2	- Chi phí lãi tiền vay		132.080.921.417	122.207.219.618
11.3	- Chi phí hoạt động đầu tư góp vốn		19.923.708.097	32.033.214.203
11.5	- Chi phí dự phòng rủi ro cho vay		29.383.930.689	29.972.748
11.7	- Chi phí khác		2.407.306.409	1.473.819.019
20	5. Lợi nhuận gộp		647.071.619.286	828.096.379.969
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	107.282.588.746	105.855.078.422
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		539.789.030.540	722.241.301.547
31	8. Thu nhập khác	21	17.317.196.926	55.101.715.780
32	9. Chi phí khác	22	-	110.082.684
40	10. Lợi nhuận khác		17.317.196.926	54.991.633.096
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		557.106.227.466	777.232.934.643
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	53.880.465.006	66.104.807.243
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		503.225.762.460	711.128.127.400

(*): Doanh thu khác trong năm 2015, bao gồm doanh thu từ chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh và Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn với số tiền lần lượt là 116.524.800.000 VND và 28.600.000.000 VND; thu nhập từ lãi trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 3.410.772.667 VND.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



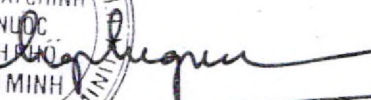
Hoàng Tiến Đạt

Kế toán trưởng



Lê Văn Bắc

Tổng Giám đốc

Phạm Phú Quốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán các khoản đầu tư trực tiếp, cho thuê tài sản		2.389.214.300	6.837.375.300
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	(43.699.939.780)		(35.850.362.886)
03	3. Tiền thu các khoản phí	13.102.731.521		14.137.095.071
04	4. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	350.906.711.037		393.580.321.214
05	5. Tiền chi trả lãi tiền vay	(133.223.971.604)		(120.881.475.316)
06	6. Chênh lệch tiền chi và thu cho vay	48.966.400.131		450.001.911.766
07	7. Tiền thu nhận vốn ủy thác cho vay đầu tư	510.757.919.279		425.712.463.796
08	8. Tiền chi cho vay từ vốn nhận ủy thác cho vay đầu tư	(361.976.247.943)		(420.547.133.195)
14	14. Tiền chi trả cho người lao động	(36.341.045.448)		(37.260.652.999)
15	15. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(70.874.022.061)		(62.569.279.217)
16	16. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)	426.799.278.490		309.313.953.583
17	17. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (ii)	(310.508.106.322)		(161.217.230.055)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		396.298.921.600	761.256.987.062
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(2.059.712.609)		(462.450.455)
22	2. Thu tiền từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	33.550.000		957.300.000
23	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(36.000.000.000)		(19.724.380.000)
24	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	546.830.982.800		38.242.492.063
25	5. Tiền chi đầu tư khác	-		(2.353.319.418)
26	6. Tiền thu đầu tư khác (iii)	379.274.429.683		268.698.986.091
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		888.079.249.874	285.358.628.281
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền thu từ đi vay	144.389.853.078		482.135.081.964
34	4. Tiền trả nợ vay	(294.455.516.098)		(308.333.024.593)
36	6. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(438.401.310.529)		(134.227.369.158)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(588.466.973.549)	39.574.688.213
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		695.911.197.925	1.086.190.303.556
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.794.935.073.353	1.708.204.514.430
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		396.931.959	540.255.367
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	3.491.243.203.237	2.794.935.073.353

111105 - C
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
NG KIỂM T
AAS
ĐẢN KIỂM

(i): Thu khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm: 69.239.963.851 VND thu tiền chuyển về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty; 45.811.643.761 VND tiền thu nợ gốc các hợp đồng tín dụng cho vay hợp vốn, đồng tài trợ; 98.468.606.708 VND tiền đặt cọc, ký quỹ của tu nghiệp sinh chuyển về từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu Lao động và chuyên gia và 163.817.422.948 VND tiền thu hồi cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

(ii): Chi khác từ hoạt động kinh doanh bao gồm tiền nộp thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng với số tiền là: 2.285.794.768 VND; chi quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền: 8.742.158.400 VND; chuyển trả tiền vốn nhận ủy thác số tiền: 223.712.434.220 VND và chi trả nợ gốc cho các đơn vị tham gia hợp vốn số tiền: 45.811.643.761 VND.

(iii): Trong đó tiền lợi nhuận nộp về từ các Công ty Con là 190.159.170.299 VND.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Hoàng Tiên Đạt

Kế toán trưởng



Lê Văn Bắc

Tổng Giám đốc



Phạm Phú Quốc

